

Mã SV	Họ	Tên	P	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý
			n	h	ày	sao	sao	sao	y c lịch
		ái	Sin		Bản	GK	am	HS	
		h	học	g	T	Sin	kết	SV	
		bạ	NP	h	PV				
			TT		N				
			H						
K34.	Hứa	Hạ	0	161					
201.	Hữu	nh	182						
008									
K34.	Nguyễn	Oa	1	200	X				
201.	Thị	nh	390						
040	Thục								
K35.	Đỗ	Thị	An	1	220	X		X	
201.	Thúy		691						
001									
K35.	Đỗ	Thị	An	1	310	X			
201.	Kiều	h	91						
002									
K35.	Nguyễn	An	1	702	X				
201.	Thị	h	91						
003	Kiều								
K35.	Bùi	Thế	Bà	0	220	X			
201.		o	691						
005									
K35.	Nguyễn	Ch	1	280	X				
201.	Thị	âu	991						
006	Hiền								
K35.	Mai	Ch	0	230	X	X			
201.	Văn	âu	790						
007									
K34.	Hứa	Hạ	0						
201.	Hữu	nh							
008									
K35.	Tạ	Đình	Ch	0	705	X			
201.		ươ	91						
008		ng							
K35.	Vũ	Cư	0	612	X		X		
201.	Minh	òn	91						
009		g							
K35.	Trần	Da	1	270	X				
201.	Thị	nh	491						
010	Công								
K35.	Ngô	Di	1	100	X				
201.	Thị	ễn	491						
011	Hồng								
K35.	Nguyễn	Di	1	309	X				
201.	Thị	ệp	91						
012	Ngọc								
K35.	Hoàng	Di	1	121	X				

201. Thị ệu 191				
013 Nguyệt				
K35.Đặng Du 1131	X			
201. Thị ng 291				
014 Kim				
K35.Lâm Du 1160	X	X		
201. Thị Thung 591				
015				
K35.Trương Du 0101	X			
201. Văn y 291				
016				
K35.Phan Du 0209	X			
201. Nguyễn y 91				
017 Bảo				
K35.Lưu ThịDu 1107				
201. Hồng yê 90				
018 n				
K35.Huỳnh Đà 1 90				
201. Thị o				
019 Ánh				
K35.Nguyễn Đi 0210	X			
201. Vũ Cao ền 891				
020				
K35.Trần Đứ 0280	X			
201. Anh c 391				
021				
K35.Phạm Hà 1200	X			
201. Thị ng 791				
022 Xuân				
K35.Nguyễn Hà 0203	X			
201. Văn i 91				
023				
K35.Phạm Hi 0130	X			
201. Ngọc ền 191				
024				
K35.Đào ThịHo 1110	X	Đã	CK	
201. Tuyết a 91		bổ	MT	
025		sun		
		g		
K35.Nguyễn Ho 1190	X			
201. Thị ài 891				
026				
K35.Huỳnh Ho 0309	X			
201. Thanh àn 91				
027 g				
K35.Vũ Hu 0220	X			
201. Quốc y 391				
028				
K35.Nguyễn Hu 0110	X			
201. Tuấn y 491				

029					
K35. Chu ThịHư	1 241	X			
201. Kim on	291				
030 g					
K35. Ka Hư	1 131				
201. ờn	189				
031 g					
K35.Đào Kh	0 206				
201. Nhật oa	90				
032					
K35.Đoàn La	1 170	X	Đã		
201. Xuân n	691		bổ		
033			sun		
			g		
K35. NguyễnLiê	1 120	X			
201. Thị n	491				
034 Bích					
K35. Trần Liê	1 181	X			
201. Thị n	291				
035 Kim					
K35.Hồ Thị Liê	1 161	X			
201. Xuân n	291				
036					
K35. Vũ Lin	1 100	X			
201. Nguyễn h	591				
037 Thùy					
K35. NguyễnLin	1 280	X	Đã	CK	
201. Thi h	491		bổ	MT	
038 Hoài			sun		
			g		
K35. Huỳnh Ma	0 802	X			
201. Tấn y	90				
039					
K35. Lê Thị Mé	1 612	X			
201. n	91				
040					
K35. Kiều Mi	1 130	X			
201. Diễm	591				
041					
K35. Phạm Mi	0 260	X	X		
201. Quang nh	591				
042					
K35. Trương Mi	0 510	X			
201. Hoàng nh	90				
043					
K35. Nguyễn My	1 802	X			
201. Thị	91				
044 Diễm					
K35. Phạm Na	0 301	X			
201. Ngọc m	291				

045					
K35. Lê	Na	0307	X		
201. Hoàng	m	91			
046					
K35. Nguyễn	Ng	1221	X		
201. Thị	ân	191			
049					
K35. Phùng	Ng	1250	X		
201. Bảo	ọc	991			
050					
K35. Mai Thị	Ng	1161	X		
201. Yến	ọc	291			
051					
K35. Lâm	Ng	1110	X		
201. Ngọc	uy	891			
052 Thảo	ên				
K35. Bùi	Nh	0270	X		
201. Hữu	ân	891			
053					
K35. Nguyễn	Nh	1302	X		
201. Thanh	àn	91			
054					
K35. Huỳnh	Nh	1100	X		
201. Thị	àn	491			
055					
K35. Đặng	Nh	1706	X		
201. Thị	àn	91			
056	h				
K35. Nguyễn	Nh	1250	X		
201. Thị	un	391			
057 Phương	g				
K35. Nguyễn	Ph	0300	X		
201. Đông	ươ	491			
058	ng				
K35. Đặng	Ph	1141X	X		
201. Thị	ươ	191			
059 Hoàng	ng				
K35. Thạch	Qu	1220			
201. Thị	an	990			
060 Thanh	h				
K35. Nguyễn	Qu	1170			
201. Thị	ế	990			
061 Hương					
K35. Võ Thị	Qu	1140	X	X	
201. Trúc	yê	691			
062	n				
K35. Trần	Qu	0130	X	Đã	
201. Đại	ỳn	591		bổ	
063	h			sun	
				g	

K35. Lê Thị Sa	1204	X	
201. Thu ng	91		
065			
K35. Cao Sơ	0220	X	
201. Hoàng n	291		
066			
K35. Nguyễn Sư	1140	X	
201. Lê ơn	291		
067 Ngọc g			
K35. Vương Tâ	0300	X	
201. Hoàng n	591		
068			
K35. Nguyễn Th	1112	X	
201. Võ an	91		
069 Ngọc h			
K35. Võ Thị Th	1901	X	
201. Ngọc ảm	91		
070			
K35. Nguyễn Th	0103	X	
201. Trung àn	91		
071 h			
K35. Lê Thị Th	1200		
201. Thu ảo	887		
072			
K35. Nguyễn Th	1181		X
201. Thị ảo	290		
073 Hoàng			
K35. Thông Thi	1251	X	
201. Thị ện	190		
074 Kim			
K35. Đặng Th	0141X	X	
201. Minh uậ	089		
075 n			
K35. Võ Thị Th	1105	X	
201. Thanh ùy	91		
076			
K35. Phạm Th	1108	X	
201. Thị úy	91		
077			
K35. Hồ Th	1250	X	
201. Thanh úy	991		
078			
K35. Nguyễn Th	1150	X	
201. Thị úy	791		
079 Thanh			
K35. Nguyễn Th	1250	X	
201. Thị ùy	391		
080 Thanh			
K35. Vòng Th	1120		
201. Minh úy	590		

081					
K35. Triệu	Th	1906			
201. Thị	ườ	88			
082	ng				
K35. Mai	Tiê	1130	X		
201. Thủy	n	891			
083					
K35. Phan	Tiê	1260	X		
201. Thị	n	991			
084	Ngọc				
K35. Nguyễn	Tra	1150	X		
201. Thị	ng	891			
085	Thùy				
K35. Hoàng	Tra	1908	X	X	
201. Thị	ng	91			
086	Huyền				
K35. Nguyễn	Tra	1101			
201. Thị Mỹ	ng	190			
087					
K35. Cao	Trâ	1170	X		
201. Hiền	n	191			
088					
K35. Mai	Tr	0230			
201. Đắc	un	790			
089	g				
K35. Phạm	Tr	1140	X		
201. Thị	úc	591			
090	Thanh				
K35. Nguyễn	Tr	1101	X	X	
201. Thanh	úc	091			
091					
K35. Huỳnh	Tr	1300	X		
201. Thị Nhâ	úc	891			
092					
K35. Đỗ Thị	Tr	1140	X		
201.	ườ	691			
093	ng				
K35. An	Tù	0404	X		
201. Thanh	ng	90			
094					
K35. Long	Tur	0120			
201. Xuân	òn	187			
095	g				
K35. Phạm	Vi	0110	X	X	
201. Khánh	nh	691			
096					
K35. Phạm	Vi	091X	X		
201.	nh				
097					
K35. Lê	Vũ	0812	X		

201. Hoàng 91
098
K35. Dư Thị Xu 1240 X
201. Thanh ân 891
099